ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1267 /QĐ-UBND	*Quảng Ninh, ngày 17 tháng 4 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 731/TTr-SCT ngày 29 tháng 3 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương (*có danh mục thủ tục hành chính kèm theo*).

Ủy ban nhân dân Tỉnh giao Giám đốc Sở Công Thương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ danh mục, nội dung thủ tục hành chính đã được công bố, chỉ đạo xây dựng và phê duyệt trình tự giải quyết thủ tục hành chính chi tiết đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 để tin học hóa việc giải quyết thủ tục hành chính.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và sửa đổi, bổ sung; bãi bỏ một số danh mục và nội dung các thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Công Thương được công bố tại Quyết định số 2647/QĐ-UBND ngày 17/8/2016 của UBND tỉnh Quảng Ninh *(Phụ lục II, Phụ lục III kèm theo).*

Điều 3. Các ông, bà: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Trung tâm Hành chính công Tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Cục KSTTHC, Văn phòng CP; | báo
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; | cáo
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 3 (để thực hiện);
- V0, V1, KSTT;
- Trung tâm thông tin;
- Lưu: VT, KSTT3.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Long

Phụ lục I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1267 /QĐ-UBND ngày 17 / 4 /2018 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

TT	Tên thủ tục hành chính*	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
A	**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG *(30 thủ tục hành chính)***				
I	**Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước (08 TTHC)**				
1	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm).	5	- Trung tâm Hành chính công tỉnh (Tầng 1 tòa nhà Liên cơ quan số 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long).	2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016.
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm).	1		2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	
3	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm).	1		2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	
4	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	7	- Trung tâm Hành chính công tỉnh (Tầng 1 tòa nhà Liên cơ quan số 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long).	**1. Thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh:** (1) Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định. (2) Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm kinh	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016.
5	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	1			
6	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	1			

				doanh/lần thẩm định. **2. Huyện:** Mức thu phí bằng 50% mức thu tương ứng.	
7	Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương.	3	- Trung tâm Hành chính công tỉnh (Tầng 1 tòa nhà Liên cơ quan số 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long).	Không	- Luật Giá số 11/2012/QH13; - Nghị định 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2017/TT-BCT ngày 26/6/2017 của Bộ Công Thương.
8	Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu kê khai giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương.	2		Không	
II	**Lĩnh vực hóa chất (06 TTHC)**				
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	10	- Trung tâm Hành chính công tỉnh (Tầng 1 tòa nhà Liên cơ quan số 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long).	**1.** Cấp mới: 1.200.000 đồng/Giấy phép. **2.** Cấp lại/Cấp sửa đổi bổ sung: 600.000 đồng/Giấy phép.	- Nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ; - Thông tư 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương; - Thông tư 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính;
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	5			
3	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	8			
4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	10			

5	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	5			
6	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	8			
III	**Lĩnh vực Thương mại quốc tế (16 TTHC)**				
1	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa.	6	- Trung tâm Hành chính công tỉnh (Tầng 1 tòa nhà Liên cơ quan số 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long).	Không	- Luật Thương mại ngày 14/6/2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12/6/2017; - Luật Đầu tư ngày 26/11/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22/11/2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ.
2	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn.	17		Không	
3	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí.	17	- Trung tâm Hành chính công tỉnh (Tầng 1 tòa nhà Liên cơ quan số 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long).	Không	- Luật Thương mại ngày 14/6/2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12/6/2017; - Luật Đầu tư ngày 26/11/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22/11/2016; - Nghị định số
4	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.	17		Không	
5	Cấp lại Giấy phép kinh	3		Không	

	doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.				09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ.
6	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.	18		Không	
7	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.	12		Không	
8	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT).	12		Không	
9	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT).	33		Không	
10	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.	3		Không	
11	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện dích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m^2.	3		Không	
12	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất	12	- Trung tâm Hành chính	Không	- Luật Thương mại

	không nằm trong trung tâm thương mại.		công tỉnh (Tầng 1 tòa nhà Liên cơ quan số 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long).		ngày 14/6/2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12/6/2017; - Luật Đầu tư ngày 26/11/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22/11/2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ.
13	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini.	33		Không	
14	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.	3		Không	
15	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.	3		Không	
16	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động.	33		Không	
B	**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN** ***(10 thủ tục hành chính)***				
I	**Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước (09 TTHC)**				
1	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	10	Trung tâm hành chính công cấp huyện.	- 1.100.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ.	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CPngày 14 tháng 09 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016.
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	7			
3	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	7			
4	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu thủ công nhằm mục đích kinh kinh doanh	10	Trung tâm hành chính công cấp huyện.	**1. Thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh:** (1) Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. (2) Hộ kinh doanh, cá nhân:	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 09 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016.
5	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu thủ công nhằm mục đích kinh kinh doanh	7			
6	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu thủ công nhằm mục đích kinh kinh doanh	7			
7	Cấp Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	10			
8	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy	7			

	phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.			400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. **2. Huyện:** Mức thu phí bằng 50% mức thu tương ứng.	
9	Cấp lại Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.	7			
II	**Lĩnh vực Xuất nhập khẩu (01 TTHC)**				
1	Đăng ký kinh doanh tại khu (điểm) chợ biên giới.	**7**	Trung tâm hành chính công cấp huyện.	Không	- Thông tư số 17/2017/TT-BCT ngày 19/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện thực hiện quy định về khu (điểm) chợ biên giới tại Hiệp định Thương mại biên giới giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ nước CHND Trung Hoa.

** Nội dung thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số 4705/QĐ-BCT ngày 12/12/2017, Quyết định số 2697/QĐ-BCT ngày 18/7/2017, Quyết định số 416/QĐ-BCT ngày 31/01/2018, Quyết định số 233/QĐ-BCT ngày 18/01/2018; Quyết định số 4285/QĐ-BCT ngày 14/11/2017 của Bộ Công Thương.*

Phụ lục II

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1267 /QĐ-UBND ngày 17 / 4 /2018 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

TT	Tên thủ tục hành chính*	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
A	**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG** ***(18 thủ tục hành chính)***				
I	**Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước (18 TTHC)**				
1	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	5	- Trung tâm Hành chính công tỉnh (Tầng 1 tòa nhà Liên cơ quan số 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long).	**1. Khu vực thành phố thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh:** 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định. **2. Huyện:** 600.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định.	- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016.
2	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	1			
3	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	1			
4	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	7	- Trung tâm Hành chính công tỉnh (Tầng 1 tòa nhà Liên cơ quan số 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long).	**1. Khu vực thành phố thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh:** (1) Tổ chức, Doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm	- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ;
5	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	1			
6	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá.	1			

				định. (2) Hộ kinh doanh, cá thể: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định. **2. Huyện:** Mức thu bằng 50% tương ứng	- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016.
7	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá.	5	- Trung tâm Hành chính công tỉnh (Tầng 1 tòa nhà Liên cơ quan số 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long).	2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016.
8	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá.	1		2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	
9	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá.	1		2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	
10	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu.	15	- Trung tâm Hành chính công tỉnh (Tầng 1 tòa nhà Liên cơ quan số 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long).	**1. Khu vực thành phố thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh:** 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định. **2. Huyện:** 600.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định.	- Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu. - Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ. - Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương. - Thông tư số 28/2017/TT-BCT
11	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu.	1			
12	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu.	1			
13	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu.	15			
14	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu.	1			

15	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu.	1			ngày 08/12/2017 của Bộ Công Thương. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.
16	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.	10			
17	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.	1			
18	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.	1			
B	**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN** ***(03 TTHC)***				
I	**Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước (03 TTHC)**				
1	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.	15	Trung tâm hành chính công cấp huyện.	**1. Thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh:** (1) Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. (2) Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. **2. Huyện:** Mức thu phí bằng 50% mức thu tương ứng.	- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương. - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.	15			
3	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.	15			

** Nội dung thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số 4705/QĐ-BCT ngày 12/12/2017, Quyết định số 201/QĐ-BCT ngày 17/01/2018 của Bộ Công Thương.*

Phụ lục III

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1267 /QĐ-UBND ngày 17 / 4 /2018 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Ghi chú
A	**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG *(18 TTHC)***			
I	**Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước (06 TTHC).**			
1	T-QNH-286853-TT T-QNH-285297-TT	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm).	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.	
2	T-QNH-286854-TT T-QNH-285304-TT	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm).		
3	T-QNH-286855-TT T-QNH-285308-TT	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm).		
4	T-QNH-286918-TT T-QNH-285313-TT	Cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu.		
5	T-QNH-286919-TT T-QNH-285316-TT	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu.		
6	T-QNH-286920-TT T-QNH-285320-TT	Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu.		
II	**Lĩnh vực Hóa chất (11 TTHC)**			
1	T-QNH-286895-TT T-QNH-285505-TT	Xác nhận Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp.	- Quyết định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.	
2	T-QNH-269065-TT T-QNH-285509-TT T-QNH-192034-TT	Xác nhận khai báo hóa chất sản xuất.		
3	T-QNH-285392-TT	Cấp Giấy chứng nhận sản xuất hóa chất thuộc danh mục hóa chất sản xuất kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp.		

4	T-QNH-269038-TT	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận sản xuất hóa chất thuộc danh mục hóa chất sản xuất kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp.		
5	T-QNH-285416-TT	Cấp lại Giấy chứng nhận sản xuất hóa chất thuộc danh mục hóa chất sản xuất kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp.		
6	T-QNH-285425-TT T-QNH-286888-TT	Cấp Giấy chứng nhận kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp.		
7	T-QNH-285433-TT	Cấp sửa đổi bổ sung Giấy chứng nhận kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp.		
8	T-QNH-286890-TT T-QNH-285438-TT	Cấp lại Giấy chứng nhận kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp.		
9	T-QNH-286891-TT T-QNH-285490-TT	Cấp Giấy chứng nhận sản xuất đồng thời kinh doanh hóa chất thuộc danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp.		
10	T-QNH-285497-TT	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận sản xuất đồng thời kinh doanh hóa chất thuộc danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp.		
11	T-QNH-285500-TT T-QNH-286893-TT	Cấp lại Giấy chứng nhận sản xuất đồng thời kinh doanh hóa chất thuộc danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp.		

III	**Lĩnh vực Xuất nhập khẩu (01 TTHC)**			
1	T-QNH-286846-TT	Xác nhận Bản cam kết của thương nhân nhập khẩu thép để trực tiếp phục vụ sản xuất, gia công.	- Thông tư số 187/2017/TT-BCT ngày 21/09/2017 của Bộ Công Thương bãi bỏ một số Điều của Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BCT-BKHCN ngày 31/12/2015 của Bộ Công Thương và Bộ Khoa học Công nghệ quy định quản lý chất lượng thép sản xuất trong nước và thép nhập khẩu.	
B	**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN *(18 TTHC)***			
I	**Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước (06 TTHC)**			
1	T-QNH-286970-TT T-QNH-271487-TT	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.	
2	T-QNH-286971-TT T-QNH-271490-TT	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.		
3	T-QNH-286972-TT T-QNH-271491-TT	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.		
4	T-QNH-286977-TT T-QNH-271461-TT	Cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu.		
5	T-QNH-286978-TT T-QNH-271474-TT	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu.		
6	T-QNH-286979-TT T-QNH-271465-TT	Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu.		
C	**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ**			
I	**Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước (03 TTHC)**			
1	T-QNH-286987-TT	Cấp Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại.	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.	
2	T-QNH-286988-TT	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đăng ký sản xuất		

		rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại.		
3	T-QNH-286989-TT	Cấp lại Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại.		